

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 20 /11/2020  
"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Mạnh Dũng, ông Nguyễn Đăng Bảy

- **Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 395/2020/HNGĐ – ST ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395 /2020 / QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Nh; Sinh năm 1982 ( vắng mặt )  
Địa chỉ : Thôn 2, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
  - Bị đơn: anh Trần Thái B; Sinh năm 1978 ( vắng mặt )  
Địa chỉ : Thôn 2, xã Đ L, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
- Chỗ ở hiện nay: số 7, vạ Triều, p.M Thành, TX Q Y, tỉnh Quảng Ninh

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh ( có đơn xin vắng mặt) trình bày:

Tôi và anh Trần Thái B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Diên Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, quá trình sống chung đến năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được , không còn quan tâm tới nhau nữa, đã sống ly thân , không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trần Đức L, sinh ngày 30 /1/2005; Trần Trí Th; sinh ngày 29/5/2011 nguyện vọng sau ly hôn để anh Bình nuôi con, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Anh Trần Thái B ( có đơn xin vắng mặt) qua lời khai trình bày: Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn là đúng, mâu thuẫn là đúng, đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

1/Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Nguyễn Thị Nh có đăng ký kết hôn với anh Trần Thái Bình, nay chị Nguyễn Thị Nh xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Thái B tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn , như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thái B và chị Nguyễn Thị Nh là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Trần Thái B và chị Nguyễn Thị Nh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đều thừa nhận và đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Trần Thái B.

4/Về con chung: Giao cháu Trần Đức Lương, sinh ngày 30 /1/2005; Trần Trí Thiện; sinh ngày 29/5/2011 cho anh Trần Thái B chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

5/Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6/Về án phí: chị Nguyễn Thị Nh nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Trần Thái Bình.

2/ Về con chung : Giao cháu Trần Đức Lg, sinh ngày 30 /1/2005; Trần Trí Th; sinh ngày 29/5/2011 cho anh Trần Thái B chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xem xét

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

4/ Về án phí: chị Nguyễn Thị Nhậm nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 015664 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong),

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Xuyên**